

Lớp Phật Pháp Buddhaddhamma
Môn học: PĀLI PHÁP CÚ

Bài học ngày 30.6.2022

II. Phẩm Không Để Duôi _ Kệ số 11

Duyên sự:

Bài kệ này đã được đức Phật thuyết cho vị tỳ kheo thấy cháy rừng, khi Ngài ngự tại Jetavana gần thành Sāvatti.

Có vị tỳ kheo nọ học đề mục thiền quán từ nơi bậc Đạo Sư rồi đi vào rừng thực hành.

Hành thiền một thời gian nhưng không đạt kết quả, tỳ kheo ấy nghĩ là phải học kỹ lại đề mục với bậc Đạo Sư, bèn trở về Sāvatti.

Trên đường đi về, vị tỳ kheo ấy gặp đám cháy rừng, nên đi lên ngọn đồi trọc để tránh lửa. Ngồi đó vị ấy nhìn ngọn lửa cháy lan, thiêu rụi cây cỏ nhỏ lớn khi lửa đi qua. Vị tỳ kheo ấy ngẫm nghĩ nếu nhen nhóm được ngọn lửa tuệ quán ấy sẽ thiêu huỷ mọi triền phược.

Ngay khi ấy đức Phật ở tại Jetavana với thiên nhân thấy biết vị tỳ kheo đang suy tư chánh hướng, Ngài liền hiện ra trước mặt tỳ kheo ấy và sách tấn bằng bài kệ này: “*Appamādarato bhikkhu*, tỳ kheo thích chuyên cần ..v.v.. khi đức Phật nói dứt kệ ngôn vị tỳ kheo ấy đắc quả A la hán với tuệ đạt thông, liền bay lên hư không gieo mình đánh lễ tán dương bậc Đạo Sư rồi ra đi.

*

Chánh văn: **Appamādarato bhikkhu**
 pamāde bhayadassi vā
 saṃyojanaṃ aṇuṃ thūlaṃ
 ḍahaṃ aggī’ va gacchati.

(dhp 31)

*

Thích văn:

appamādarato [chủ cách số ít của tính từ hợp thể **appamādarata** (appamāda + rata)] vui trong sự không dễ duôi, vui trong sự chuyên cần.

bhikkhu [chủ cách số ít của danh từ nam tính **bhikkhu**] vị tỳ kheo, tỳ khưu.

pamāde [định sở cách số ít của danh từ nam tính **pamāda**] trong sự dễ duôi, trong sự giải đãi.

bhayadassi [nguyên từ **bhayadassī** _ chủ cách số ít của tính từ hợp thể **bhayadassī** (bhaya + dassī) thấy sợ hãi.

vā [liên từ] hoặc là, hay là.

saṃyojanam [đối cách số ít của danh từ trung tính **saṃyojana / saññojana**] dây trói buộc, thừng thúc, kiết sử, triền phược.

aṇuṃ [đối cách số ít của tính từ **aṇu**] phần nhỏ, vi tế.

thūlam [đối cách số ít của tính từ **thūla**] phần lớn, phần thô, to béo.

ḍaham [đối cách số ít của hiện tại phân từ **ḍahanta** (√ḍaha + nta)] đang đốt cháy, đang thiêu huỷ.

aggi' va [hợp âm (**aggi iva**)]

aggi [chủ cách số ít của danh từ nam tính **aggi**] lửa, ngọn lửa.

iva [bất biến từ] ví như, thí dụ như.

gacchati [thì hiện tại ngôi III số ít (√gam + a + ti)] đi tới, đi đến, tiến đến.

*

Việt văn:

Tỳ kheo vui chuyên cần
thấy sợ hãi buông lung
tiến tới như lửa rừng
thiêu kiết sử nhỏ lớn.

(pc 31)

Chuyện văn:

Appamādarato pamāde vā bhayadassī bhikkhu aṇuṃ thūlaṃ saññojanaṃ daham gacchati aggi iva.

Vị tỳ kheo vui trong sự không dễ duôi hoặc thấy sợ hãi sự giải đãi, tiến tới thiêu đốt kiết sử nhỏ lớn, ví như lửa rừng.

*

Lý giải:

Đức Thế Tôn là bậc thầy của trời người, Ngài dạy pháp tùy theo căn cơ khuynh hướng của mỗi người. Khi thấy biết vị tỳ kheo nọ đang suy tư về sự tàn phá của lửa rừng lửa cháy lan đến đâu thì thiêu rụi cây cỏ nhỏ lớn đến đâu, Ngài xuất hiện để dạy tỳ khưu ấy, lấy hình ảnh ngọn lửa rừng mà điển hình cho ngọn lửa tuệ minh sát thiêu huỷ kiết sử lớn nhỏ.

Kiết sử hay dây trói buộc (*saṃyojana / saññojana*) có hai loại:

Kiết sử nhỏ (*aṇuṃ saṃyojanaṃ*) là năm hạ phần kiết sử (*orambhāgiasaṃyojanaṃ*) tức là thân kiến, hoài nghi, dục ái và phần nộ.

Kiết sử lớn (*thūlaṃ saṃyojanaṃ*) là năm thượng phần kiết sử (*uddhambhāgiasaṃyojanaṃ*) tức là sắc ái, vô sắc ái, mạn, phóng dật và vô minh.

Vị tỳ kheo thấy sợ hãi trong sự giải đãi vì biết rằng dễ duôi là con đường dẫn đến tử sanh, là căn nguyên đưa vào khổ cảnh.

Khi vị tỳ kheo chuyên cần không giải đãi, trú niệm vững vàng, thì tuệ quán bừng sáng như ngọn lửa rừng có khả năng thiêu huỷ tất cả kiết sử, đạt đến quả vị giải thoát.

II. Phẩm Không Dễ Duôi _ Kệ số 12

Duyên sự:

Bài kệ này được đức Phật thuyết ở Jetavana Sāvatti, do câu chuyện của tỳ kheo Nigamavāsītissa.

Gần thành Sāvatti, có một thị trấn vùng ven. Trong thị trấn ấy có một thiện nam tử Tissa xuất gia theo Phật Pháp, chư tăng gọi vị ấy là Tissa Thị trấn (Nigamavāsitissa) để khỏi nhầm lẫn với các vị trưởng lão trùng tên.

Đại Đức Nigamavāsitissa ưa sống độc cư, và là một vị tỳ kheo thiểu dục tri túc. Đại đức chỉ đi khát thực trong phạm vi thị trấn nơi sinh quán của mình thôi, chứ không đi đâu xa. Cho đến những cuộc lễ trai tăng trong thành Sāvatti do các đại thí chủ như trưởng giả Anāthapiṇḍika tổ chức, hoặc cuộc cúng dường vô song thí của vua Pasenadi thực hiện, đại đức Tissa cũng không đến dự. Chư tỳ kheo thấy vắng mặt đại đức Tissa trong các cuộc trai tăng lớn như vậy, mới bảo nhau rằng: vị này chỉ thân cận với quyền thuộc, không đi đâu hết.

Nghe chư tỳ kheo nói chuyện như vậy, đức Phật cho gọi tỳ kheo Tissa ấy về Jetavana và hỏi chuyện có thật thế không?

Đại Đức Tissa đáp: “Con không quyền luyến lân la với quyền thuộc. Con chỉ thích sống độc cư và giữ hạnh thiểu dục tri túc, hằng ngày khát thực quanh vùng có chi ăn nấy để không bận tâm”.

Sau khi nghe đại đức Tissa trình bày, đức Thế Tôn đã khen ngợi đại đức trước Tăng chúng:

Lành thay, này chư tỳ kheo, vị tỳ kheo này sống hạnh thiểu dục tri túc. Đã hành đúng theo truyền thống của Như Lai. Xưa kia khi còn là một vị bồ tát, ta cũng giữ hạnh thiểu dục như vậy.

Rồi theo lời thỉnh cầu của chư tăng, đức Phật đã nhắc lại bốn sanh chim kết chúa sống tri túc với những trái trên cây sung, không đi xa kiếm ăn ..v.v..

Kết thúc bốn sanh chim kết chúa, đức Phật đã nói lên bài kệ pháp cú tán thán vị tỳ kheo chuyên cần sẽ chứng níp bàn. Vừa nghe xong bài kệ, đại đức Nigamavāsitissa chứng đắc A la hán cùng với tuệ đạt thông. Những tỳ kheo khác cũng nhiều vị đắc thánh quả tu đà hườn.

*

Chánh văn: **Appamādarato bhikkhu
pamāde bhayadassi vā
abhabbo parihānāya
nibbānasseva santike.**

(dhp 32)

*

Thích văn:

abhabbo [chủ cách số ít nam tính của tính từ **abhabba** (na + bhabba)] không thể, không có khả năng, bất khả.

parihānāya [chỉ định cách số ít của danh từ nữ tính **parihānā**] đến sự thối đoạ, sự thối thất, sự lui sụt.

nibbānasseva [hợp âm (**nibbānassa eva**)]

nibbānassa [sở thuộc cách số ít của danh từ trung tính **nibbāna**] níp bàn, sự tịch diệt.

eva [bất biến từ] từ đệm, từ nhấn mạnh.

santike [định sở cách số ít của tính từ **santika**] ở gần, đến gần, gần kề.

*

Việt văn: Tỳ kheo vui chuyên cần
thấy sợ hãi buông lung
không thể có thối đoạ
ắt cận kề níp bàn.

(pc 32)

*

Chuyển văn:

*Appamādarato pamāde vā bhayadassī bhikkhu parihānāya abhabbo
nibbānassa santike_y_ eva*

Vị tỳ kheo vui trong sự không dễ duôi hoặc thấy sợ hãi sự giải đãi, vị ấy không thể bị thối đoạ, tất nhiên đối diện níp bàn.

Lý giải:

Một lần nữa đức Phật tán thán vị tỳ kheo vui trong sự không dễ duôi và thấy sợ hãi trong sự giải đãi. Nhưng trong bài kệ này đức Phật khẳng định kết quả của hạnh chuyên cần, vị tỳ kheo vui hạnh không dễ duôi, thấy sợ sự giải đãi như vậy sẽ không thể bị thối đoạ và chắc chắn đối diện với níp bàn.

Không thể bị thối đoạ (*abhabbo parihānāya*) nghĩa là vị chuyên cần không dễ duôi sẽ không làm mất đi các pháp tu tập chỉ và quán (*samathavipassanā dhammehi parihānāya abhabbo*), hoặc không làm mất đi đạo quả sắp chứng đắc (*maggaphalehi vā parihānāya abhabbo*).

Chắc chắn đối diện với níp bàn (*nibbānasseva santika*) nghĩa là nhất định chứng ngộ “phiền não níp bàn” (*kilesaparinibbānassa santike_y_eva*), cũng như chứng ngộ “vô thủ trước níp bàn” (*anupādāparinibbānassāpi santike_y_eva*).

Ví như người đã luyện nội công thâm hậu thì việc ra những chiêu thức sẽ không khó khăn.

(Dứt phẩm thứ hai - Phẩm không dễ duôi)

Biên soạn giáo trình: Tỳ khưu Tuệ Siêu